

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
Về dự án Luật Dữ liệu

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị

Chuyển đổi số được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Ở nước ta, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số như:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-09-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực. Xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế; phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam”.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 đã giao Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, vận hành Trung tâm

dữ liệu quốc gia. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu”.

- Ngoài ra, trong Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới chính phủ số đều giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia để thực hiện cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tập trung dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

2. Cơ sở thực tiễn

Quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 Cơ sở dữ liệu quốc gia; một số Cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các Trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành chưa có đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa được chuẩn hóa, thống nhất về tiêu chuẩn, danh mục nên không có khả năng kế thừa, khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đạt các tiêu chuẩn quy định, không bảo đảm mức độ an ninh, an toàn hệ thống, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Do vậy, việc xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ tiết kiệm rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Qua rà soát, Bộ Công an thấy có 69 Luật đang quy định về cơ sở dữ liệu (cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành). Trong đó, chỉ có một số luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu. Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật, các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó sẽ có gần 40 cơ sở dữ liệu quốc gia và gần 50 cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng. Tuy nhiên, hầu hết các luật đều không quy định cụ thể hoặc thống nhất về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; chưa có luật nào quy định về các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, điều chỉnh các nền tảng phát triển, ứng dụng dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn...

Do đó, cần có Luật Dữ liệu để điều chỉnh các vấn đề nêu trên nhằm thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự án Luật Dữ liệu nhằm mục đích sau:

Một là, phục vụ phát triển dữ liệu quốc gia

Phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển

các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam.

Hai là, phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và hình thành kho thông tin định danh số cho công dân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính, kết hợp cùng với việc tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia khác sẽ giúp phát triển Chính phủ số và cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội

Thúc đẩy các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn. Đồng thời hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu về con người để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

Bốn là, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Quan điểm xây dựng dự án Luật Dữ liệu:

Một là, quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

Ba là, việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Bốn là, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Năm là, tham khảo có chọn lọc pháp luật về dữ liệu của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT DỮ LIỆU

Bộ Công an đề xuất 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu gồm:

1. Chính sách 1: Quy định về xây dựng, phát triển, quản trị, xử lý dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, quản lý nhà nước về dữ liệu.

a) Mục tiêu của chính sách

Xây dựng quy định điều chỉnh các hoạt động liên quan đến dữ liệu, nhất là các chính sách về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế dữ liệu để góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về dữ liệu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, xây dựng tiêu chuẩn chung về dữ liệu để áp dụng thống nhất, đồng bộ.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về chiến lược dữ liệu; xử lý dữ liệu (gồm các hoạt động thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan); quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế về dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn...

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Giải pháp thực hiện chính sách:

- Quy định về thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu; chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu;

- Quy định về quản lý nhà nước về dữ liệu;

- Quy định về chiến lược dữ liệu;

- Quy định về quản trị dữ liệu;

- Quy định về bảo vệ dữ liệu;

- Quy định về xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu;

- Quy định về hợp tác quốc tế về dữ liệu;

- Quy định về Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia;

- Quy định về ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, bao gồm các nội dung về:

(1) Nhà nước ưu tiên việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

(2) Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

(3) Nguyên tắc trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

(4) Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam.

- Lý do lựa chọn:

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm tải các chi phí trong đầu tư xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; hoàn thiện, tạo cơ chế chính sách để xây dựng phát triển dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Thu được các lợi ích kinh tế khi quản lý các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Giảm chi phí trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu; có nhiều lựa chọn dịch vụ liên quan ứng dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức doanh nghiệp trong hoạt động phát triển các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân

tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

2. Chính sách 2: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

a) Mục tiêu của chính sách

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để tập hợp, tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước và dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; dữ liệu tại cơ sở dữ liệu tổng hợp là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng an ninh.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

(1) Đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và đồng bộ dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

(2) Hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

(3) Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác;

(4) Môi quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác;

(5) Phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trên cơ sở đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

- Lý do lựa chọn:

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và chi phí vận hành, quản lý cơ sở

dữ liệu điện tử; tận dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để phân tích, đưa ra các giải pháp điều hành phục vụ phát triển kinh tế; tận dụng, phát huy được tối đa lợi ích của dữ liệu để phát triển kinh tế số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của đất nước; tận dụng được tài nguyên dữ liệu được chia sẻ từ các doanh nghiệp, cá nhân cho nhà nước để phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xử lý kịp thời các trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Hạn chế phát sinh chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cắt giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính do các thủ tục hành chính, các dịch vụ công được thực hiện liên thông.

3. Chính sách 3: Quy định về xây dựng, phát triển, sử dụng hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

a) Mục tiêu của chính sách

Giúp Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương: (1) Tập trung nguồn lực hạ tầng, công nghệ; (2) Giải quyết vấn đề hạn chế của các hệ thống thông tin, của việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; (3) Tăng cường hiệu quả, tính minh bạch trong quản lý nhà nước, hiện đại hóa quy trình quản trị quốc gia; (4) Tiết kiệm nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội.

b) Nội dung của chính sách

- Quy định về vị trí, vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu và hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: Các cơ quan có thể sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tự đầu tư hạ tầng theo tiêu chuẩn và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Quy định về quản trị, vận hành, sử dụng tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện việc quản lý cơ sở dữ liệu trong hệ thống của đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quy định về nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào đầu tư thì cơ quan đó chịu trách nhiệm nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

- Quy định về bố trí nguồn vốn để xây dựng, phát triển, nâng cấp và ưu tiên đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: ⁽¹⁾ Nguồn vốn phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia được lấy từ kinh phí nhà nước; ⁽²⁾ lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ từ dữ liệu;

- Quy định về việc sử dụng Nền tảng chia sẻ và điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức. Nền tảng này không xung đột mà sẽ hỗ trợ và được sử dụng song song với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Quy định về lộ trình triển khai, quy định chuyên tiếp khi áp dụng: Thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an đang xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 tại khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, dự kiến sẽ hoàn thiện và đi vào sử dụng từ cuối năm 2025. Do vậy lộ trình chuyển đổi hệ thống từ các bộ, ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia tại Nghị quyết 175/NQ-CP và lộ trình có hiệu lực của Luật dữ liệu (01/01/2026) là khả thi và phù hợp.

- Quy định về bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu đặt tại Trung tâm; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu).

- Quy định về bảo đảm nguồn lực hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia:

(1) Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(2) Bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, có phương án thuê chuyên gia, doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch vụ và an ninh, an toàn hệ thống. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực và chế độ, chính sách đãi ngộ cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về việc xây dựng, phát triển, sử dụng chung hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu và hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí đầu tư cho Nhà nước về hạ tầng, nguồn lực chuyển đổi số, Nhà nước tập trung đầu tư cho việc phát triển đội ngũ vận hành hạ tầng Trung tâm dữ liệu duy nhất; bảo đảm thống nhất quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, cho hoạt động thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi cả nước; sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đáp ứng yêu cầu phát triển xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tiết kiệm được kinh phí đối với việc bố trí hoạt động quản trị các hệ thống thông tin ngoài cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được đăng ký, sử dụng dịch vụ hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia, dịch vụ điện toán đám mây do Chính phủ cung cấp, giảm nguồn lực đầu tư, giảm mối lo ngại về lộ lọt dữ liệu;

4. Chính sách 4: Quy định về sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu

a) Mục tiêu của chính sách

Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là huyết mạch của các cơ quan, tổ chức hiện nay, nó được tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau để mở ra không gian hoạt động và phát triển kinh tế - xã hội cho các quốc gia. Việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta.

Theo Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì việc xây dựng các sàn giao dịch dữ liệu. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch dữ liệu tiềm ẩn nhiều nguy cơ, tác động lớn đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải quy định tại Luật này việc xây dựng, quản lý sàn giao dịch dữ liệu và quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu để thực hiện quản lý bảo đảm chặt chẽ, thống nhất, bảo đảm an ninh, an toàn.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập), gồm:

(1) Trung tâm dữ liệu quốc gia (đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc Trung tâm) sử dụng nền tảng chia sẻ và điều phối dữ liệu để cung cấp các dịch vụ:

- Xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử.
- Sản phẩm, dịch vụ phân tích và tổng hợp dữ liệu.
- Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.
- Sàn giao dịch dữ liệu.

(2) Quản lý đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập).

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá

nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu; giúp tái sử dụng những dữ liệu đã có; từ đó, giúp Nhà nước tiết kiệm chi phí, không mất chi phí để thu thập hoặc yêu cầu người dân cung cấp các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu, dễ dàng chuyển đổi dữ liệu; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Việc tìm kiếm dữ liệu cần thiết sẽ được thực hiện nhanh chóng, từ đó có cái nhìn đa chiều để đánh giá và lựa chọn dữ liệu phù hợp.

Đối với cá nhân: Người dân được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu; được tìm kiếm dữ liệu của bản thân và các thông tin cần thiết khác một cách nhanh chóng với nhiều hình thức đa dạng, đầy đủ ở nhiều lĩnh vực; tiết giảm được các chi phí trong việc đề nghị cơ quan, tổ chức cấp trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính như chi phí bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau...

BỘ CÔNG AN